

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2024/DS-ST.

Ngày: 02-5-2024.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Võ Tùng Chinh.**

+ Ông **Phan Thành Phước.**

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y - Sinh năm: 1966, địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1974; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn V - Sinh năm: 1977; địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Vào ngày 29/6/2022, bà Y có cho bà T vay số tiền là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng), thời hạn vay là 07 (bảy) ngày kể từ ngày 29/6/2022, lãi suất là

10%/năm, việc vay tiền hai bên có làm Biên nhận số 62 cùng ngày 29/6/2022 có chữ ký, ghi họ tên của bà Nguyễn Thị T, tuy nhiên trong biên nhận không có ghi việc thỏa thuận lãi suất mà lãi suất do hai bên thỏa thuận miệng; khi đến hạn và cho đến hiện nay thì bà T không có trả cho bà Y khoảng tiền gốc, tiền lãi nào. Do vậy, bà Y yêu cầu bà Nguyễn Thị T cùng chồng là ông Huỳnh Văn V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền đã vay là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) và yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất là 10%/năm kể từ ngày 06/7/2022 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn V vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, không gửi văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà Y giữ nguyên lời trình bày về việc thỏa thuận vay tiền như đã nêu trên, cũng như xác định kể từ ngày vay cho đến nay thì bà T, ông V chưa trả được khoảng tiền gốc nào và không có trả tiền lãi; đồng thời bà Y có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T, ông V có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số nợ gốc là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) kể từ ngày 07/7/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bà T, ông V vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Y có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản đối với bà T có địa chỉ tại ấp M, xã P, huyện M, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại các điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà T, ông V được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải ngày 03/11/2023, ngày 28/11/2023; đồng thời bà Y có đơn đề nghị không hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà T, ông V vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Bà Y cho rằng bà T, ông V có nợ số tiền vay là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) theo Biên nhận số 62 ngày 29/6/2022. Bà T, ông V

vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về các nội dung có liên quan đến vụ việc, Tòa án đã giao thông báo giao nộp chứng cứ nhưng bà T, ông V không có ý kiến phản đối đối với Biên nhận số 62 ngày 29/6/2022 mà bà Y cung cấp cũng như phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y nên có cơ sở để xác định được bà T, ông V còn nợ bà Y số nợ gốc đã vay là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng).

[3.2] Về lãi suất, tiền lãi:

Bà Y cho rằng kể từ thời điểm vay cho đến nay thì bà T, ông V không có trả khoản tiền lãi nào; bà T, ông V vắng mặt, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh có trả khoản tiền lãi nào cho bà Y nên xác định bà T, ông V chưa trả tiền lãi cho bà Y.

Tại Biên nhận số: 62 ngày 29/6/2022 có ghi thời hạn vay là 07 (bảy) ngày nhưng không có thể hiện nội dung về lãi suất cho vay; tại phiên tòa sơ thẩm bà Y có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà T, ông V trả tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng đối với số nợ gốc là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) kể từ ngày hết thời hạn vay là ngày 07/7/2022 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Yêu cầu về việc trả tiền lãi của bà Y là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận; cụ thể phần tiền lãi được tính như sau: $110.000.000\text{VNĐ} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 21 \text{ tháng} = 19.933.000\text{VNĐ}$ (mười chín triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% của số tiền phải trả cho bà Y, được tính như sau: $129.933.000\text{VNĐ} \times 5\% = 6.496.000\text{VNĐ}$ (sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 288, 357, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền vay là 110.000.000VNĐ (một trăm mười triệu đồng) và tiền lãi là 19.933.000VNĐ (mười chín triệu chín trăm ba mươi ba ngàn đồng).

2/ Kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1) Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 3.332.000VNĐ (ba triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005383 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

3.2) Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Huỳnh Văn V có nghĩa vụ liên đới nộp 6.496.000VNĐ (sáu triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Y có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bà T, ông V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV và T.H.A-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nguyên